| DE = | EN= | PT= | VN = |
|---|---|---|---|
| Öl Information | Oil Information | Óleo Informação | Dầu thông tin |

| | | Din Nr. | ISO Nr | Ess& | Chevron | BP | Castrol | ESSO | TEXACO | Shell | Mobil | LE | öMV |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| de= | **Für was** | | | | | | | | | | | | |
| en= | **For what** | - | - | - | - | BP | - | - | - | - | - | - | - |
| pt= | **Para o** | | | | | | | | | | | | |
| vn= | **Đối với những gì** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Getriebe<br>Gearboxes<br>Caixas de<br>velocidades<br>Hộp số | HLP 15<br>HLP 46 | VG32<br>VG 46 | | Caltex | Bartan HV15<br>Energol HL 80<br>Energol, HLP-D 32 | Hyspin AWS 32 | Spinesso 10<br>Teresso 47<br>Teresso 32 | Rando Oil HDA 32 | Tellus Oil 15<br>Tellus Oil 29<br>Tellus Oil 32 | DTE 11<br>DTE HeavyMedium<br>DTE 24 | LE6401 | HLP-M15 |
| 2 | Flachbett/ Flat bed<br>Flat Bed/<br>giường phẳng<br>Maschine/ Machine<br>máquina/ máy<br>Messgeräte und Getriebe<br>Gages and Gearboxes<br>Medidores e Redutores<br>Thiết bị đo và hộp số | CG 68 | VG 68<br>VG 68 | 622 | | Maccurat 68D<br>Energol, HLP-D 68 | Hyspin AWS 68 | Febis K68<br>Teresso 68 | Rando Oil HDC 68 | Tonna Oil T68<br>Tellus 133<br>Tellus Oil 68 | Vactra 2<br>DTE 26 | LE 6403 | G68 |
| 3<br>4 | Sland Bed<br>Maschinen/ Machines<br>máquina/ máy<br>Getriebe/Gages<br>Gages/Hộp số | | VG 220 | | Way Lubricant 220<br>Lubricating Oil | Maccurat 220 | Magna CF220 | Febis K220 | Way Lubricant 220 | Tonna Oil T220 | Vactra Oil Nr 4 | LE 601 | |
| | | HL46<br>HLP 68<br>CLP 220<br>CLP 680 | | | | Bartan HV 46<br>EnergolGR-XP-220<br>Energol GR-XP-680 | | NUTO H46<br>Spartan EP 220<br>Spartan EP 680 | | Tellus Oil T46<br>Omala Oel 220<br>Omala Oel 680 | SHC 624<br>DTE 15<br>Mobil Gear630<br>mobil gear 636 | | HTU - 46<br>HLP-M46<br>HST 220 EP<br>HST680EP |

Hinweis: VG= Viskosität für alle Öltype/ viscosity for all Oil Type/ Viscosidade para todo o tipo de óleo/ độ nhớt cho tất cả các loại dầu
Note: HLP= Hydraulik/ hydraulic/ hidráulico/ thủy lực — HL = Getriebe/ gearboxees/ caixas de velocidades/ hộp số
Nota: CGLP= Schmierung/ Lubrication/ lubrificação/ bôi trơn
Lưu ý: L = Corrosion and Alterungszusatz/ Corrosion and aging additive/ Corrosão e envelhecimento aditivo/Ăn mòn và phụ gia lão hóa
P= Hochdruck Zusatz/ Hig Pressure additional/ Alta Pressão adicional/ Áp suất cao thêm

Vertikales Messgerät Take VG 220/ Vertical Gages Take VG 220 / Medidores Vertical Leve VG 220/ lọc Gage Hãy VG 220
Horizontales Messgerät VG 220 und VG 68/ Horizontal Gages Use VG220 or VG68/ Ngang Gage sử dụng VG 220, VG 68

de= Wartung Info: Bitte reinigen Sie jedes Jahr die Schmierung Tank-Inside
Nehmen Sie den Filter nicht, sie sind voll mit Öl,
Eine Maschine braucht ca. 1-2 Schmieröl-Behälter pro Woche, oder fragen Maschinenherstelle

en= Maintenance Info: Please clean every Year the Lubrication Tank Inside
Dont take the Filter away, were you full the oil in,
A Machine need about 1-2 lubrivcation Tank Oil per week, or ask Machine Buildler

pt= Informações de manutenção: Limpe todos os anos a lubrificação Tanque Inside
Não pegue o Filtro de longe, você estava cheio de óleo em,
A máquina precisa de cerca de 1-2 Oil Tanque lubrificação por semana, ou pedir Máquina Builder

vn= Thông tin bảo trì: Hãy làm sạch mỗi năm các xe tăng bôi trơn bên trong.
Không có bộ lọc đi, anh có đầy đủ dầu trong,
Một máy cần khoảng 1-2 bôi trơn xe tăng dầu mỗi tuần, hoặc yêu cầu máy Builder.

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| gezeichnet: | HPW | Datum: | | eduction project | Öl Information | translate/en_ds/p_ct/vn_ro | orign: WIAP KFKOK |
| Aenderung: | an | Datum: 24.06.2015 | | WIAP KFKOK | Oil Information | r2 | datei wi_8_f_19_d5_r2_ |
| Aenderung: | control 2 | Data: | | Safenwil Schweiz | spear 2 | www.wiap.ch | idee of / from HPW |